

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ
BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/03/2025

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lự.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Xa Tiến Đắc

Bà Phạm Thị Dân

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Thanh Tùng- Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: Ông Bùi Hùng C – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T- sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T1 - sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt lần hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Chị Lường Thị T và anh Lường Văn T1 kết hôn từ năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016 ngày 08/08/2016 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 hạnh phúc được mấy năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân

là do anh T1 hay rượu chè, ghen tuông đánh đập vợ con mặc dù chị T đã cố gắng nhường nhịn để hàn gắn nhưng anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị T không chịu đựng được cảnh sống chung với anh T1 đến tháng 03 năm 2024 chị bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm M, xã Y, huyện Đ rồi đi làm ăn xa nhà ,vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, nên chị làm khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: giữa chị Lường T2 T và anh Lường Văn T1 sinh được hai con chung là cháu Lường Anh T3, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Lường Anh T4, sinh ngày 01/01/2018, hiện hai cháu đang chung sống cùng bố đẻ là anh T1 và ông bà nội tại xóm T, xã Đ, huyện Đ vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu giao cháu hai cháu cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cả chị T và anh T1 đều có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T3 và cháu T4 cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có .

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Lường Văn T1 nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn đều vắng mặt, không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh T1.

Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành ghi nhận ý kiến của chính quyền địa phương và những người thân trong gia đình, kết quả xác minh cho thấy:

Chị Lường Thị T và anh Lường Văn T1 kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình vào ngày 08/08/2016. Sau kết hôn, chị T và anh T1 có sống chung với nhau ở nhà bố mẹ đẻ của anh T1 tại xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình một thời gian khoảng 04 năm, sau đó chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn đến tháng 03 năm 2024 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ cùng xóm M, xã Y rồi đi làm ăn ở nơi khác, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Chị T và anh T1 sinh được hai con chung là cháu Lường Anh T3, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Lường Anh T4, sinh ngày 01/01/2018 cháu T3 và cháu T4 hiện đang ở cùng bố và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh T1). Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng giao cháu T3 và cháu T4 cho anh T1 và bà nội nuôi dưỡng chăm sóc các cháu vì chị T phải đi làm ăn xa nhà không có ở nhà để chăm sóc các cháu. Tất cả các giấy triệu tập, thông báo của toà án đều được chính quyền địa phương giao cho anh T1 cùng gia đình nhưng anh T1 và gia đình không nhận, không hợp tác với Tòa án và chính quyền địa phương.

Lời khai được Tòa án thu thập xác minh tại địa phương đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chị Lường Thị T và phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà hôm nay anh Lương Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Lương Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn T1.

Về con chung: Chị Lương Thị Thương yêu C1 để cháu Lương Anh T3 và Lương Anh T4 tiếp tục chung sống bố là anh T1 và ông bà nội tại xóm T, xã Đ và không yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc phát biểu ý kiến và đề nghị như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T.

Về con chung: giao cháu Lương Anh T5, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Lương Anh T4, sinh ngày 01/01/2018 giao cho anh Lương Anh T6 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lương Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn T1 có nơi cư trú tại xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh Lương Văn T1 vắng mặt không có lý do không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Anh Lương Văn T1 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lường Thị T và anh Lường Văn T1 kết hôn từ năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016 ngày 08/08/2016 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không ép buộc. Quá trình chung sống, đời sống chung giữa chị Lường Thị T và anh Lường Văn T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân nhân là do anh T1 hay rượu chè ghen tuông đánh đập vợ con mặc dù chị Lường Thị T đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn hàn gắn nhưng không có kết quả mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, không còn cảm thông, chia sẻ thấu hiểu nhau nên làm khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lường Văn T1. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần xác minh thu thập chứng cứ cũng như thông báo hòa giải tại Tòa án nhưng anh T1 không hợp tác, vắng mặt không lý do thể hiện việc anh T1 không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ tình cảm với chị T. Từ tháng 03 năm 2024 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không tôn trọng, yêu thương và không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị T được ly hôn với anh Lường Văn T1.

[3] Về quan hệ con chung: chị Lường Thị T và anh Lường Văn T1 sinh được hai con chung là cháu Lường Anh T3, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Lường Anh T4, sinh ngày 01/01/2018. Thời gian chị T và anh T1 không chung sống cho đến nay, hai con chung ở cùng anh Lường Văn T1 và ông bà nội, được anh T1 và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian sống cùng bố và ông bà nội, cháu T3 đang học lớp 5B, cháu T4 đang học lớp 1A Trường tiểu học cơ sở xã Đ, hai cháu được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, điều này thể hiện cháu T3 và cháu T4 đã được chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo, hai cháu ,phát triển bình thường. Chị Lường Thị T có yêu cầu giao cả hai con cho anh Lường Văn T1 nuôi dưỡng, chăm sóc chị T thường đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con. Để đảm bảo cho cháu Lường Anh T3 và cháu Lường A Tuân phát triển ổn định, tránh ảnh hưởng tâm lý của con nhỏ, HĐXX nhận thấy cần thiết phải giao hai con chung là cho anh Lường Văn T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Lường Thị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện Đà Bắc về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 264, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T

Về quan hệ hôn nhân xử: cho chị Lường Thị T được ly hôn với anh Lường Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Lường Anh T3, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Lường Anh T4, sinh ngày 01/01/2018 cho anh Lường Văn T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T3 và cháu T4 đủ 18 tuổi. Chưa yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con hoặc quy định khác của pháp luật. Chị Lường Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Khi có thay đổi chị T, anh T1 có quyền làm đơn quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002748 ngày 04/11/2024 của Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- UBND xã **Đồng Ruộng**, huyện Đà Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lự

